

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 203/2025/DS-PT
Ngày 28 – 5 – 2025
V/v tranh chấp hội, vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Hoàng

Ông Ninh Quang Thế

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 104/2025/TLPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2025 về việc: Tranh chấp hội, vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 54/2025/DS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 141/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1966 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Từ Thị T, sinh năm 1969 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Đ, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Ngày 28/5/2019 al, bà T có vay của bà Đ số tiền 10.000.000 đồng, bà T có làm biên nhận, lãi suất thoả thuận mỗi tháng 300.000 đồng. Ngoài ra, bà T còn nợ bà Đ tiền hội số tiền là 45.840.000 đồng. Đến ngày 03/11/2020 al, hai bên đã làm

giấy chốt nợ, bà T nợ bà Đ tổng số tiền là 55.840.000 đồng. Bà T đã trả cho bà Đ từ tháng 02/2022 đến tháng 7/2024 là 29 tháng, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng, tổng cộng là 29.000.000 đồng; bà T còn nợ số tiền là 26.840.000 đồng, trong đó: tiền hui là 16.840.000 đồng, tiền vay 10.000.000 đồng. Việc trả nợ có khi bà T nhờ bà H, bà L giao tiền cho bà Đ, có khi bà T trực tiếp giao tiền.

Do đó, bà Đ khởi kiện yêu cầu buộc bà T trả cho bà Đ tiền hui 16.840.000 đồng; tiền vay nợ gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi thời gian 60 tháng x 300.000 đồng bằng 18.000.000 đồng; tổng cộng bằng 44.840.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu buộc bà T trả cho bà Đ tiền hui 16.840.000 đồng; tiền vay nợ gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 28/5/2020 al đến ngày 28/5/2024 al là 60 tháng x 0,83%/tháng x 10.000.000 đồng = 4.980.000 đồng; tổng cộng số tiền là 31.820.000 đồng.

- Theo bà Từ Thị T trình bày:

Bà T thừa nhận có nợ bà Đ tiền hui và tiền vay là 55.840.000 đồng theo giấy chốt nợ ngày 03/11/2020 al. Từ ngày 03/11/2020 A, bà đã trả cho bà Đ mỗi tháng là 1.000.000 đồng, trả đến tháng 9/2024 al thời gian là 47 tháng bằng 47.000.000 đồng, việc trả tiền bà Đ không có làm biên nhận; bà chỉ còn nợ bà Đ số tiền là 8.840.000 đồng. Thời gian đầu, bà nhờ bà Trần Thị H là người thuê đất của bà trả tiền thuê trực tiếp cho bà Đ, sau đó thì có lần bà Đ đến nhà bà lấy tiền, có lần bà gửi cho bà L nhờ đưa lại bà Đ. Ngày 09/8/2024 và 15/8/2024, bà Đ có viết biên nhận gửi qua zalo cho bà chốt lại số nợ bà còn nợ bà Đ là 17.800.000 đồng, nhưng biên nhận trên ghi thiếu số nợ bà đã trả cho bà Đ 11 tháng của năm 2021 nên bà không đồng ý nội dung biên nhận trên. Đối với việc bà Đ yêu cầu trả lãi của số tiền 10.000.000 đồng bà không đồng ý, do bà đã đóng lãi cho bà Đ được 4.500.000 đồng.

Tại phiên toà sơ thẩm, bà T đồng ý trả cho bà Đ số tiền vay 10.000.000 đồng và tiền lãi 4.980.000 đồng; đồng thời, bà T xác định sau khi bà Đ gửi tin nhắn chốt nợ cho bà vào tháng 8/2024 thì bà có nhờ bà L trả cho bà Đ 5.000.000 đồng nên đề nghị đối trừ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số:54/2025/DS-ST ngày 06 tháng 03 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ. Buộc bà Từ Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 12.800.000 đồng tiền nợ gốc và 4.980.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 17.780.000 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ về việc yêu cầu bà Từ Thị T trả số tiền 14.040.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 11/3/2025, bà Nguyễn Thị Đ có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, buộc bà Từ Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Đ số tiền nợ gốc 26.840.000 đồng, tiền lãi 4.980.0000 đồng, tổng cộng là 31.820.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Đ giữ nguyên kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Bà Đ phát biểu: Bà T trả nợ cho bà từ tháng 02/2022 đến tháng 07/2024 là 29 tháng bằng 29.000.000 đồng; còn nợ lại số tiền là 26.840.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Việc bà Từ Thị T nợ bà Đ tổng số tiền 55.840.000 đồng theo giấy chốt nợ ngày 03/11/2020 al là có thực tế, được bà Đ, bà T thừa nhận. Tuy nhiên, các bên trình bày không thống nhất với nhau về số tiền bà T đã thanh toán và số tiền bà T còn nợ lại. Bà Đ cho rằng bà T đã thanh toán cho bà Đ từ tháng 02/2022 al đến tháng 7/2024 al, thời gian là 29 tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, bằng 29.000.000 đồng; bà T còn nợ 26.840.000 đồng. Bà T cho rằng đã thanh toán cho bà Đ từ ngày 03/11/2020 al đến tháng 9/2024 al, thời gian là 47 tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, bằng 47.000.000 đồng; bà T còn nợ 8.840.000 đồng.

[2] Xét các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ, xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà T có cung cấp hình ảnh tin nhắn zalo của bà Đ gửi cho bà T vào lúc 13 giờ 22 phút ngày 09/8/2024 có nội dung chốt lại số nợ bà T còn nợ bà Đ là 17.800.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, bà Đ xác định hình ảnh tin nhắn zalo bà T cung cấp là do bà tự ghi ra giấy và chụp hình gửi qua zalo cho bà T để thông báo số nợ bà T còn nợ là 17.800.000 đồng. Tuy nhiên, bà Đ lại cho rằng do bà Đ nhớ nhầm, đến khi bà Đ tìm lại được zalo cũ của bà Đ trước đây bà Đ mới nhớ lại là bà T bắt đầu trả nợ cho bà Đ từ tháng 02/2022 al, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng đến tháng 7/2024 al là 29 tháng bằng 29.000.000 đồng, thể hiện tại tin nhắn zalo bà Đ gửi cho bà T ngày 03/5/2022 có nội dung “Vô tháng 02/2022 nhận trả mỗi tháng nay nhận được 2.000.000 đồng”. Nhưng đây chỉ là lời trình bày của bà Đ, không có gì chứng minh việc bà Đ nhớ nhầm như bà Đ trình bày. Trong khi tin nhắn ngày 09/8/2024 là tin nhắn sau cùng do bà Đ tự xác định số tiền bà T còn nợ, ghi ra giấy và chụp hình gửi qua zalo cho bà T, đây được xem

là một hình thức thông báo và chốt nợ giữa bà Đ với bà T. Hơn nữa, tại biên bản hoà giải ấp C, xã T, huyện Đ ngày 11/12/2024, ý kiến của bà Đ chỉ yêu cầu bà T trả số tiền 10.000.000 đồng. Do đó, trình bày của bà Đ cho rằng do bà nhớ nhầm là không có cơ sở thuyết phục.

[3] Đối với trình bày của bà T về việc bà T đã trả nợ cho bà Đ từ ngày 03/11/2020 al đến tháng 9/2024 al là 47 tháng, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng bằng 47.000.000 đồng, chỉ còn nợ 8.840.000 đồng, nhưng bà T cũng không có tài liệu gì chứng minh. Đối chiếu lời khai bà T, bà Trần Thị H thấy rằng: Bà T khai trả nợ cho bà Đ từ ngày 03/11/2020 al; thời gian đầu, bà nhờ bà Trần Thị H là người thuê đất của bà trả tiền thuê trực tiếp cho bà Đ, sau đó có lần bà Đ đến nhà bà T lấy tiền, có lần bà T gửi cho bà L nhờ đưa lại bà Đ. Trong khi đó, tại biên bản phiên toà ngày 05/3/2025, bà T khai bà H thuê đất của bà từ ngày 30/3/2021. Đồng thời, tại biên bản ghi lời khai bà Trần Thị H ngày 28/02/2025, bà H khai thuê đất của bà T từ tháng 3/2021. Như vậy, lời khai của bà T và bà H thống nhất nhau về thời gian bà H thuê đất của bà T là từ tháng 3/2021. Do đó, bà T khai trả nợ cho bà Đ từ ngày 03/11/2020 al, thời gian đầu, bà T nhờ bà H là người thuê đất của bà H trả tiền thuê trực tiếp cho bà Đ, là không có căn cứ. Bởi lẽ, thời điểm từ 03/11/2020 al đến trước tháng 3/2021, bà H chưa thuê đất của bà T thì không thể có việc bà H lấy tiền thuê đất phải trả cho bà T để trả cho bà Đ. Đồng thời, khi bà Đ gửi cho bà T tin nhắn zalo chốt số tiền bà T còn nợ 17.800.000 đồng thì bà T cũng không có ý kiến gì; trong quá trình giải quyết vụ án, bà T cũng cung cấp chứng cứ là hình ảnh tin nhắn zalo của bà Đ gửi cho bà T vào lúc 13 giờ 22 phút ngày 09/8/2024 có nội dung chốt lại số nợ bà T còn nợ bà Đ là 17.800.000 đồng để phản bác lời trình bày của bà Đ cho rằng bà còn nợ số tiền 26.840.000 đồng, nhưng lại không thừa nhận số tiền còn nợ là 17.800.000 đồng như chứng cứ bà cung cấp, mà cho rằng chỉ còn nợ 8.840.000 đồng là mâu thuẫn với chứng cứ do chính bà T cung cấp. Hơn nữa, bà T cũng không có chứng cứ chứng minh số tiền bà còn nợ bà Đ 8.840.000 đồng như bà T trình bày. Như vậy, có căn cứ xác định số tiền bà T còn nợ bà Đ 17.800.000 đồng theo tin nhắn zalo bà Đ gửi cho bà T ngày 09/8/2024. Đối với trình bày của bà Đ cho rằng bà T còn nợ số tiền 26.840.000 đồng và trình bày của bà T cho rằng còn nợ bà Đ số tiền 8.840.000 đồng đều không có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với trình bày của bà T cho rằng sau khi bà Đ gửi tin nhắn chốt nợ tháng 8/2024, bà T có đưa cho bà L số tiền 5.000.000 đồng nhờ trả dùm cho bà Đ, yêu cầu được đối trừ, xét thấy: Hiện nay bà L đã bỏ đi khỏi địa phương, không xác định được địa chỉ hiện nay ở đâu nên không làm việc được với bà L. Tuy nhiên, tại biên bản phiên toà sơ thẩm ngày 05/3/2025 và tại phiên toà phúc thẩm, bà Đ thừa nhận có nhận số tiền 5.000.000 đồng từ bà L, nhưng cho rằng nhận vào tháng 7/2024, không nhớ có ghi vào biên nhận hay chưa; tại biên bản ghi lời khai bà T ngày 28/02/2025, bà T khai số tiền 5.000.000 đồng bà T đưa cho bà L nhờ trả dùm

cho bà Đ là trong tháng 7/2024. Như vậy, lời trình bày của bà Đ và bà T phù hợp với nhau về thời gian mà bà T đưa 5.000.000 đồng cho bà L nhờ trả dùm cho bà Đ là tháng 7/2024.

[5] Qua đối chiếu tin nhắn zalo bà Đ gửi cho bà T ngày 09/8/2024, không thể hiện có số tiền bà T đã trả 5.000.000 đồng, như vậy số tiền bà T nhờ bà L trả dùm cho bà Đ chưa được đối trừ trong số tiền còn nợ 17.800.000 đồng. Do đó, yêu cầu của bà T đối trừ số tiền 5.000.000 đồng đã trả là có căn cứ, được chấp nhận; nên số tiền nợ gốc bà T còn nợ bà Đ được xác định là: 17.800.000 đồng – 5.000.000 đồng = 12.800.000 đồng.

[6] Đối với yêu cầu của bà Đ yêu cầu bà T trả số tiền lãi là 4.980.000 đồng, tại phiên toà sơ thẩm bà T đồng ý trả cho bà Đ số tiền lãi 4.980.000 đồng, nên Toà án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của bà T và buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà Đ tổng số tiền bằng 17.780.000 đồng (12.800.000 đồng + 4.980.000 đồng = 17.780.000 đồng) là có căn cứ.

[7] Từ nhận định trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo bà Nguyễn Thị Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm bà Đ phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp được chuyển thu.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 54/2025/DS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

Buộc bà Từ Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 17.780.000 đồng, (trong đó: Tiền nợ gốc là 12.800.000 đồng, tiền lãi 4.980.000 đồng).

Kể từ ngày bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, thì hàng tháng bà T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ về việc yêu cầu bà Từ Thị T trả số tiền 14.040.000 đồng (Mười bốn triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Từ Thị T phải chịu là 889.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu là 702.000 đồng. Bà Đ đã dự nộp 1.121.000 đồng theo biên lai số 0002380 ngày 19/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, đối trừ bà Đ được nhận lại 419.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng. Ngày 11/03/2025, bà Đ đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002794 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được đối trừ chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập